

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 5 năm 2025
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lò Văn Ngắm

2. Bà: Mai Thị Trường

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Mai Hồng Hạnh** - Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:
Bà **Thái Ngọc Mai** – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường
Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý
số: 20/2025/TLST-HN&GD ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên
tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **V Thị T**, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Bản PS, xã AC, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. (*Vắng mặt
có lý do*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Bà **Lê Thị Thuý A** - Trợ
giúp viên pháp lý. Nơi công tác: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 3 thuộc Trung
tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt có lý do*).

Bị đơn: Anh Giàng A V, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Bản PS, xã AC, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt
không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18/2/2025, bản tự khai đề ngày 06/3/2025 chị
T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Giàng A V chung sống như vợ chồng từ năm
2004 và đi đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2005 tại UBND xã BL, huyện Tuần
Giáo, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã BL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên).
Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu
không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Trong quá trình chung sống, tôi và
anh V sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh V mắc

tệ nạn xã hội nghiện chất ma túy, không quan tâm chăm sóc vợ con, tôi và gia đình đã khuyên anh bỏ ma túy nhưng anh V vẫn không bỏ được ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng tôi đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết việc ly hôn giữa tôi và anh Giàng A V.

- **Về con chung:** Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 03 con chung là cháu Giàng A K, sinh ngày 08/11/2004, cháu Giàng A C, sinh ngày 09/9/2007, cháu Giàng Thị K, sinh ngày 24/6/2010.

Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn là tôi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C, cháu K cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Còn cháu Giàng A K đã lập gia đình riêng và có khả năng lao động nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. .

Về cấp dưỡng đối với con chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng:** Tôi và anh V không có.

- **Về nợ chung, nợ phải trả, nợ thu về:** Tôi và anh V không có.

* **Bị đơn: Anh Giàng A V** mặc dù được Tòa án thông báo và triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh **V** vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì.

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng gửi bản phát biểu trình bày:** Yêu cầu của chị T là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Chị T và anh Giàng A V chung sống như vợ chồng từ năm 2004 và đi đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2005 tại UBND xã BL, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã BL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên). Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Trong quá trình chung sống, chị T và anh V sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh V mắc tệ nạn xã hội nghiện chất ma túy, không quan tâm chăm sóc vợ con. Xét thấy mâu thuẫn của chị T và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và tuyên bố chị T được ly hôn anh V.

Thứ hai về con chung: Chị T và anh V có 03 con chung là cháu Giàng A K, sinh ngày 08/11/2004, cháu Giàng A C, sinh ngày 09/9/2007, cháu Giàng Thị K, sinh ngày 24/6/2010. Nguyên vọng của chị T về việc giải quyết con chung là sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C, cháu K cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Còn cháu Giàng A K đã lập gia đình riêng và có khả năng lao động nên đề nghị Toà án không giải quyết.

Hiện nay 02 cháu (C + K) đang ở cùng mẹ từ khi vợ chồng anh chị ly thân, anh V mắc tệ nạn xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện

vọng của chị T về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị T và anh V không có tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm **không có giá ngạch** cho chị T.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:**

- Tòa án đã lấy lời khai của 03 cháu Giàng A K; Giàng A C; Giàng Thị K;
- Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Giàng A V; xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị V Thị T và anh Giàng A V tại bản PS, xã AC, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Biên bản xác minh điều kiện kinh tế của chị V Thị T tại bản PS, xã AC, huyện Mường Ảng.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố chị V Thị T được ly hôn anh Giàng A V.
- **Con chung:** Giao 02 cháu Giàng A C, sinh ngày 09/9/2007, cháu Giàng Thị K, sinh ngày 24/6/2010 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Cháu Giàng A K, sinh ngày 08/11/2004 đã lập gia đình riêng và có khả năng lao động nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Án phí:** Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm **không có giá ngạch** cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 26/02/2025, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tổng đạt cho bị đơn là anh Giàng A V theo quy định của pháp luật. Đồng thời Tòa án triệu tập anh V lên Tòa án để làm việc, anh V vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ngày 01/4/2025 chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 08/5/2025, nguyên đơn chị V Thị T vắng mặt, bị đơn là anh Giàng A V vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 26/5/2025.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là chị V Thị T vắng mặt; Bị đơn là anh Giàng A V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị T, anh V.

[2] Nội dung vụ án: * *Về hôn nhân:* Theo đơn xin ly hôn của chị T và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy: Chị T và anh V chung sống như vợ chồng từ năm 2004 và đi đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2005 tại UBND xã BL, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã BL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên). Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Trong quá trình chung sống, chị T và anh V sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh V mắc tệ nạn xã hội nghiện chất ma túy, không quan tâm chăm sóc vợ con. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị được hai bên gia đình khuyên bảo và hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị V Thị T. Tuyên xử cho chị V Thị T được ly hôn với anh Giàng A V.

** Về con chung:* Chị V Thị T và anh Giàng A V có 03 con chung là Giàng A K, sinh ngày 08/11/2004, cháu Giàng A C, sinh ngày 09/9/2007, cháu Giàng Thị K, sinh ngày 24/6/2010. Cần giao 02 cháu Cường và cháu K cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Cháu Giàng A K đã đủ 18 tuổi, lập gia đình riêng và có khả năng lao động nên đề nghị Toà án không giải quyết.

Hai cháu Cường và cháu K có nguyện vọng và mong muốn mẹ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Cường và cháu K có nguyện vọng được mẹ chăm sóc, học tập tốt nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt, phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận nguyện vọng của chị T về việc giao nuôi con chung.

Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về:* Chị T, anh V không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm **không có giá ngạch** cho chị T.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng phát biểu ý kiến hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 **Nghị Quyết** số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V Thị T: Chị V Thị T được ly hôn anh Giàng A V.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Giàng A C, sinh ngày 09/9/2007; cháu Giàng Thị K, sinh ngày 24/6/2010 cho chị V Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Anh V có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Đang sự không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm **không có giá ngạch** cho chị T.

5. Quyền kháng cáo: Chị T, anh V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã BL, h. Mường Ảng;
- Các đương sự; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân